

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:1064/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25/9/2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trọng Hóa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Khanh
2. Ông Nguyễn Văn Hồi

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1495/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 193/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kiều D, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: 7/4 ấp 3, xã S, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Nguyễn Tuấn K, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: 7/4 ấp 3, xã S, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn xin ly hôn đề ngày 05 tháng 12 năm 2017, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn - bà Phạm Thị Kiều D trình bày:

Bà Phạm Thị Kiều D và ông Nguyễn Tuấn K tự nguyện tìm hiểu, tiến tới xây dựng gia đình, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 131, Quyền 01/2007 do Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/9/2007. Thời gian chung sống, vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông K có hành vi bạo lực gia đình, đánh đập, xúc phạm bà. Bà D đã cho cơ hội sửa đổi để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng ông K vẫn không thay đổi. Nhận thấy tình cảm

vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà D yêu cầu Tòa giải quyết cho bà được ly hôn với ông K để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 người con chung tên là Nguyễn Phạm Quỳnh N, sinh ngày 14/01/2007 và Nguyễn Phạm Như Q, sinh ngày 03/01/2013. Bà D yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai trẻ Quỳnh N và Như Q, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có

Do bận công việc nên bà D có đơn xin tòa án xét xử vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/3/2018 bị đơn - ông Nguyễn Tuấn trình bày:

Ông K với bà Phạm Thị Kiều D quen nhau do tự tìm hiểu và tiến tới xây dựng gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H vào năm 2007. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 01/2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà D có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, ông K đã nhiều lần khuyên can bà D từ bỏ mối quan hệ sai trái, trở về chăm lo cho hạnh phúc gia đình nhưng bà D vẫn không thay đổi mà vẫn tiếp tục duy trì mối quan hệ sai trái này.

Ông K khẳng định vẫn còn thương vợ con, mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Nếu bà D vẫn kiên quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 người con chung tên là Nguyễn Phạm Quỳnh N, sinh ngày 14/01/2007 và Nguyễn Phạm Như Q, sinh ngày 03/01/2013. Ông K yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ Như Q, giao trẻ Quỳnh N cho bà D nuôi dưỡng. Không ai cấp dưỡng cho ai.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Ông K đã được tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Phạm Thị Kiều D khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Tuấn K và yêu cầu được quyền nuôi con. Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con” nên theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Bị đơn là ông Nguyễn Tuấn K hiện đang cư trú tại địa bàn huyện H nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện H có thẩm quyền giải quyết.

Bà Phạm Thị Kiều D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Ông Nguyễn Tuấn K đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào quy

định tại khoản 2 điều 227, điều 228 và điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

2. Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, bà Phạm Thị Kiều D và ông Nguyễn Tuấn K tự nguyện tiến tới xây dựng gia đình, có đăng ký kết hôn hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 131, Quyền 01/2007 do Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/9/2007.

Theo trình bày của bà D thì hôn nhân giữa bà và ông K không hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông K có hành vi bạo lực gia đình, đánh đập, xúc phạm bà. Vợ chồng đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu Tòa giải quyết cho bà được ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông K có đến tòa nhận thông báo thụ lý vụ án, trình bày lời khai, ông K thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn là do bà D có quan hệ ngoại tình. Tuy nhiên ông vẫn còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn, nếu bà D kiên quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý. Ông K đã được tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do nên việc hòa giải không thực hiện được, đồng thời vắng mặt tại tất cả các phiên tòa xét xử mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Ông K cũng không cung cấp được chứng cứ, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả theo quy định. Do vậy, yêu cầu đoàn tụ và yêu cầu được quyền nuôi con của ông K là không có cơ sở nên không chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Theo kết quả xác minh, công an xã S xác nhận ông K có cư trú tại địa chỉ 7/4 ấp 3, xã S, huyện H; Chính quyền địa phương xác nhận vợ chồng ông K, bà D có mâu thuẫn do ghen tuông.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D, ông K là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn ông K của bà D là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Có 02 trẻ tên là Nguyễn Phạm Quỳnh N, sinh ngày 14/01/2007 và Nguyễn Phạm Như Q, sinh ngày 03/01/2013. Bà D yêu cầu được nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy bà D có việc làm, thu nhập ổn định mỗi tháng khoảng 5.000.000 đồng, hiện tại hai trẻ Quỳnh N và Như Q đang sống chung ổn định với mẹ nên việc giao con cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của trẻ, phù hợp với nguyện vọng của trẻ Quỳnh N nên yêu cầu nuôi con của bà D là có cơ sở chấp nhận. Bà D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà D và ông K khai không có nên không xem xét.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị Kiều D chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Kiều D được ly hôn với ông Nguyễn Tuấn K.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Phạm Quỳnh N, sinh ngày 14/01/2007 và Nguyễn Phạm Như Q, sinh ngày 03/01/2013.

Giao cả 02 trẻ Nguyễn Phạm Quỳnh N và Nguyễn Phạm Như Q cho bà Phạm Thị Kiều D trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị Kiều D về việc không yêu cầu ông Nguyễn Tuấn K thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết, hai bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Kiều D chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được tính căn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí do bà D đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0017543 ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Bà D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TANDTP.Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện H;
- THA Dân sự huyện H;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Trọng Hóa